TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **2128/**2020/QĐST-HNGĐ	*Bình Thạnh, ngày 29 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1614/2020/TLST-VHNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Phạm Danh T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Đường M, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Đỗ Bích N, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Đỗ Bích N và ông Phạm Danh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 147, Quyển số 01/2010.

Quá trình sống chung, hai bên sống hạnh phúc được 06 năm, từ năm 2019 hai bên thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống. Cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không đạt được mục đích hôn nhân. Nay hai bên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung:

Bà N và ông T có 02 con chung là trẻ Phạm Ngọc Bích T1, sinh ngày 27/3/2012 và trẻ Phạm Bích N1, sinh ngày 12/11/2014.

Bà N và ông T thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung cho Bà N trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi trẻ Phạm Ngọc Bích T1, Bà N yêu cầu

ông T cấp dưỡng nuôi trẻ Phạm Bích N1 mỗi tháng là 4.000.000 (bốn triệu) đồng cho đến trẻ Bích N1 trưởng thành, bắt đầu thi hành từ ngày 01/12/2020.

[3] Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, ông T và Bà N thực sự tự nguyện ly hôn và những thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con hoàn toàn phù hợp với qui định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Đỗ Bích N và ông Phạm Danh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Giao 02 con chung là trẻ Phạm Ngọc Bích T1, sinh ngày 27/3/2012 và trẻ Phạm Bích N1, sinh ngày 12/11/2014 cho bà Nguyễn Đỗ Bích N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N đủ điều kiện nuôi dưỡng trẻ Bích T1 nên không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông Phạm Danh T cấp dưỡng nuôi trẻ Phạm Bích N1 mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho con đến khi trẻ N1 trưởng thành, bắt đầu thi hành từ ngày 01/12/2020.

Sau khi ly hôn, ông T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, Bà N và ông T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày Bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con đúng theo thỏa thuận như trên thì hàng tháng ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

- Về tài sản chung: hai bên không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Đỗ Bích N và ông Phạm Danh T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0088503 ngày 08/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; ông T và Bà N đã nộp đủ lệ phí.

Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- UBND phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự (P).

THẨM PHÁN

Lê Thị Đào